

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VIỆT TÍN**

Báo cáo tài chính

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/03/2021 | 01/01/2021 |
|-------|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 9,678,086,847 | 9,850,272,900 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | | 9,674,291,243 | 9,349,299,783 |
| 111 | 1. Tiền | | 9,674,291,243 | 9,349,299,783 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | | |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 3,795,604 | 500,973,117 |
| 134 | 1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ | | 3,795,604 | 973,117 |
| | 2 Phải thu ngắn hạn khác | | | 500,000,000 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | - | |
| 158 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 18,835,591,413 | 18,835,591,413 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | - | |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 3 | - | - |
| 222 | - Nguyên giá | | 666,141,407 | 666,141,407 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (666,141,407) | (666,141,407) |
| 250 | III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 14,825,591,413 | 14,825,591,413 |
| 252 | 1 Đầu tư dài hạn khác(công ty liên kết) | | 14,944,000,000 | 14,944,000,000 |
| 259 | 2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | (118,408,587) | (118,408,587) |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 4,010,000,000 | 4,010,000,000 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 5 | - | - |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | 4,010,000,000 | 4,010,000,000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 28,513,678,260 | 28,685,864,313 |

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/03/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|-------|---------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 300 | A. NỢ PHẢI TRẢ | | 238,449,262 | 234,331,762 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 238,449,262 | 234,331,762 |
| 312 | 2. Phải trả người bán | | | |
| 314 | 2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 12,967,140 | 12,967,140 |
| 315 | 3 Phải trả người lao động | | | |
| 316 | 4 Chi phí phải trả | | | |
| 319 | 5 Các khoản phải trả, phải nộp khác | | 225,482,122 | 221,364,622 |
| 400 | B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 8 | 28,275,228,998 | 28,451,532,551 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 45,000,000,000 | 45,000,000,000 |
| 420 | 2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (16,724,771,002) | (16,548,467,449) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 28,513,678,260 | 28,685,864,313 |

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | | | | |
|-----|---|--|---------------|---------------|
| 040 | Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác | | 2,250,000,000 | 2,250,000,000 |
| 041 | Nhà đầu tư ủy thác trong nước | | 2,250,000,000 | 2,250,000,000 |
| 051 | Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác | | | |



Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng



Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 15 tháng 04 năm 2021

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/01/2021 | Từ 01/01/2020 đến |
|-------|---|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | đến 31/03/2021 | 31/03/2020 |
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu | | 2,822,487 | 2,845,364 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | | 2,822,487 | 2,845,364 |
| 11 | 4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán | | | |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | | 2,822,487 | 2,845,364 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | | 137,050 | 243,107 |
| 25 | 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | (179,263,090) | (175,878,017) |
| 30 | 9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | | (176,303,553) | (172,789,546) |
| 32 | 10. Chi phí khác | | | (535,881) |
| 40 | 12. Lợi nhuận khác | | - | (535,881) |
| 50 | 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | (176,303,553) | (173,325,427) |
| 51 | 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 10 | - | - |
| 60 | 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>(176,303,553)</u> | <u>(173,325,427)</u> |
| 70 | 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 11 | (39) | (39) |

HB



Ngân Hà

Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 15 tháng 04 năm 2021

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/01/2021 | Từ 01/01/2020 đến |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | đến 31/03/2021 | 31/03/2020 |
| | | | VND | VND |
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | | |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | | |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (171,322,500) | (161,103,000) |
| 05 | 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | | | - |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 6,619,107,500 | 5,161,934,000 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (6,122,930,590) | (5,168,912,017) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 324,854,410 | (168,081,017) |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | | | |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 137,050 | 243,107 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 137,050 | 243,107 |
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | - | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | | |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 324,991,460 | (167,837,910) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 9,349,299,783 | 9,561,462,048 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | | 9,674,291,243 | 9,393,624,138 |



Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng



Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 15 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍNTầng 3, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho quý tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2021

| Năm 2020 | Thuyết minh | 01/01/2021 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/03/2021 |
|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------|-----------------------|
| | | VND | VND | VND | VND |
| 1. | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 45,000,000,000 | - | - | 45,000,000,000 |
| 2. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (16,548,467,449) | (176,303,553) | - | (16,724,771,002) |
| CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU 9 | | 28,451,532,551 | (176,303,553) | - | 28,275,228,998 |

| Năm 2019 | Thuyết minh | 01/01/2020 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/03/2020 |
|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------|-----------------------|
| | | VND | VND | VND | VND |
| 1. | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 45,000,000,000 | - | - | 45,000,000,000 |
| 2. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (15,796,015,806) | (752,451,643) | - | (16,548,467,449) |
| CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU 9 | | 29,203,984,194 | (752,451,643) | - | 28,451,532,551 |

Hoàng Hải Dẫn
Người lậpHoàng Hải Đăng
Kế toán trưởngHoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý I /2021

I Đặc điểm hoạt động của Công ty Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quản lý Quỹ

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3 số 40 Phan Bội Châu, Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 45.000.000.000 VND (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 4.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GP ngày 05 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh số:07/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Các quy định của Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa ban hành các hướng dẫn thay thế cho Thông tư 125/2011/TT-BTC. Do vậy Công ty vẫn áp dụng các quy định tại Thông tư 125/2011/TT-BTC cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV Chính sách kế toán áp dụng

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|--------|
| - Phương tiện vận tải | 05 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 năm |

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍNTầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt và các khoản tương đương tiền | 9,674,291,243 | 9,349,299,783 |
| | <u>9,674,291,243</u> | <u>9,349,299,783</u> |

2 . PHAI THU NGẮN HẠN

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| phải thu ngắn hạn khác | 3,795,604 | 973,117 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | <u>3,795,604</u> | <u>973,117</u> |

TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng đặt trước tiền mua trụ sở Công ty | | |
| Tạm ứng mua cổ phiếu | - | - |
| Tạm ứng khác | | - |
| | <u>-</u> | <u>-</u> |

3 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------------|--|--------------------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 399,684,844 | 266,456,563 | 666,141,407 |
| Số tăng trong năm | - | - | - |
| - Mua sắm mới | - | - | - |
| Số giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | <u>399,684,844</u> | <u>266,456,563</u> | <u>666,141,407</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | - |
| Số tăng trong năm | - | - | - |
| - Trích khấu hao | - | - | - |
| Số giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍNTầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư cổ phiếu (Công ty Cp Đầu tư Tài chính Sông Hồng) | 14,944,000,000 | 14,944,000,000 |
| | <u>14,944,000,000</u> | <u>14,944,000,000</u> |

5 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn | - | - |
| Chi phí bảo hiểm xe | - | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 4,010,000,000 | 4,010,000,000 |
| | <u>4,010,000,000</u> | <u>4,010,000,000</u> |

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 12,967,140 | 12,967,140 |
| | <u>12,967,140</u> | <u>12,967,140</u> |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí phải trả khác | - | - |
| | <u>-</u> | <u>-</u> |

7 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC (đã điều chỉnh theo ycau ktoan)

| | <u>31/03/2021</u> | <u>01/01/2021</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 4,165,793 | 4,075,793 |
| Bảo hiểm xã hội | 191,292,229 | 190,212,229 |
| Bảo hiểm y tế | 9,005,778 | 8,803,278 |
| Phải trả phải nộp khác | 21,018,322 | 18,273,322 |
| Phải trả người lao động | - | - |
| Phải trả khách hàng ủy thác cá nhân ⁽¹⁾ | - | - |
| | <u>225,482,122</u> | <u>221,364,622</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍNTầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

8 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

| | 31/03/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 45,000,000,000 | 45,000,000,000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 45,000,000,000 | 45,000,000,000 |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 45,000,000,000 | 45,000,000,000 |

b) Cổ phiếu

| | 31/03/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4,500,000 | 4,500,000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 4,500,000 | 4,500,000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 4,500,000 | 4,500,000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4,500,000 | 4,500,000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 4,500,000 | 4,500,000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND) | 10,000 | 10,000 |

TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 31/03/2021 | 01/01/2021 |
|--------------------------|------------|------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu từ phí quản lý | - | - |
| Doanh thu khác | - | - |
| | - | - |

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | | |
| Chi phí vật liệu, công cụ lao động | - | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | - |
| | - | - |

9 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên quản lý | 179,263,090 | 175,878,017 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng | - | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | - |
| Thuế, phí, lệ phí | - | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | - |
| Chi phí khác bằng tiền | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍNTầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021


10 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

| | Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (176,303,553) | (173,325,427) |
| Tổng lợi nhuận tính thuế | (176,303,553) | (173,325,427) |
| Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

| | Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | (176,303,553) | (173,325,427) |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (176,303,553) | (173,325,427) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 4,500,000 | 4,500,000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (39) | (39) |


Hoàng Hải Đăng
Kế toán trưởng


Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập ngày, 15 tháng 04 năm 2021